ĐẠI HỌC ĐÀ NẴNG
TRƯỜNG ĐẠI HỌC SƯ PHẠM

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

CHƯƠNG TRÌNH ĐÀO TẠO

Ngành: Lịch sử (chuyên ngành: Quan hệ Quốc tế) Khóa: 2026
Trình độ: Đại học Hình thức đào tạo: Chính quy
(ban hành kèm theo Quyết định số 2495/QĐ-ĐHSP ngày 31 / 12/2025 của Hiệu trưởng)

TT	Mã học phần	Tên học phần	Số tín chỉ	Số tiết		Học phần học trước/ tiên quyết/ song hành	Ghi chú
				LT	TH/Bài tập		
Khối kiến thức: GIÁO DỤC ĐẠI CƯƠNG			**30**	**339**	**111**		
1	21321901	Kinh tế chính trị Mác - Lênin	2	22	8	21231902	
2	31722001	Mỹ học đại cương	2	15	15		
3	31832001	Văn hoá miền Trung - Tây Nguyên	3	30	15		
4	21221904	Lịch sử Đảng Cộng sản Việt Nam	2	21	9	21221903	
5	21221903	Chủ nghĩa xã hội khoa học	2	22	8	21321901	
6	21231902	Triết học Mác - Lênin	3	30	15		
7	31621549	Pháp luật đại cương	2	22	8		
8	00201264	Giáo dục quốc phòng	(0)	(0)	(60)		
9	00101268	Giáo dục thể chất 4	(1)	(0)	(15)		
10	00101267	Giáo dục thể chất 3	(1)	(0)	(15)		
11	00101266	Giáo dục thể chất 2	(1)	(0)	(15)		
12	00101265	Giáo dục thể chất 1	(1)	(0)	(15)		
13	21321922	Tư tưởng Hồ Chí Minh	2	22	8	21221904	
14	31721993	Xã hội học đại cương	2	20	10		
		Học phần tự chọn	***10***	***135***	***15***		
15	31132001	*Công nghệ số cơ bản*	3	30	15		
16	41232001	*Tiếng Anh B1.1*	3	45	0		
17	41242002	*Tiếng Anh B1.2*	4	60	0		
Khối kiến thức: CƠ SỞ NGÀNH			**21**	**200**	**160**		
18	31831421	Lịch sử văn minh thế giới	3	30	15		
19	31831078	Cơ sở Khảo cổ học	3	30	15		
20	31831005	Cộng đồng các dân tộc Việt Nam	3	30	30		
21	31831028	Lý luận khoa học Lịch sử	3	30	15		
22	31831029	Nhập môn quan hệ quốc tế	3	30	15		
23	31822002	Phương pháp nghiên cứu khoa học xã hội	2	20	10		
24	31848093	Lý thuyết và thực hành nghiên cứu lịch sử địa phương	4	30	60		
Khối kiến thức: CỐT LÕI NGÀNH			**47**	**495**	**210**		
25	31831033	Các cuộc cải cách ở châu Á thời cận-hiện đại	3	30	15		
26	31831411	Lịch sử ngoại giao Việt Nam	3	30	15		
27	31841414	Lịch sử thế giới cận đại	4	45	15	31841415	
28	31841417	Lịch sử thế giới hiện đại	4	45	15	31841414	
29	31841422	Lịch sử Việt Nam cận đại	4	45	15	31841423	

TT	Mã học phần	Tên học phần	Số tín chỉ	Số tiết		Học phần học trước/ tiên quyết/ song hành	Ghi chú
				LT	TH/Bài tập		
30	31841423	Lịch sử Việt Nam cổ trung đại	4	45	15		
31	31841426	Lịch sử Việt Nam hiện đại	4	45	15	31841422	
32	31841415	Lịch sử thế giới cổ trung đại	4	45	15		
33	31838095	Kinh tế Việt Nam thời cận hiện đại	3	30	15		
34	31831045	Lịch sử quan hệ quốc tế	3	30	15		
		Học phần tự chọn	***11***	***105***	***60***		
35	31831057	*Chính sách và hoạt động ngoại giao của Việt Nam thời hiện đại*	3	30	15		
36	31831060	*Chủ nghĩa tư bản cận – hiện đại*	3	30	15		
37	31931407	*Lịch sử chủ quyền lãnh thổ Việt Nam*	3	30	15		
38	31821016	*Sự du nhập và tiếp biến văn hóa Đông - Tây ở Việt Nam*	2	15	15		
Khối kiến thức: THỰC TẬP VÀ TRẢI NGHIỆM			**20**	**75**	**315**		
39	31821849	Thực tế chuyên môn	2	0	60		
40	31831038	Nghiệp vụ công tác đối ngoại	3	30	15		
41	31831039	Đàm phán quốc tế	3	30	15		
42	31841103	Thực tập tốt nghiệp	4	0	120		
43	31828097	Ứng dụng CNTT trong nghiên cứu khoa học lịch sử	2	15	15		
		Học phần tự chọn	***6***	***0***	***90***		
44	31861104	*Khóa luận tốt nghiệp*	6	0	90		
Khối kiến thức: QUAN HỆ QUỐC TẾ			**32**	**335**	**145**		
45	31831897	Tổ chức quốc tế và cơ quan ngoại giao của các quốc gia	3	45	0		
46	31931069	Tiếng Anh chuyên ngành	3	30	15		
47	31831032	Địa chính trị	3	30	15		
48	31831034	Luật quốc tế	3	30	15		
49	31831036	Quan hệ Việt Nam - ASEAN	3	30	15		
50	31838098	Phân cực hoá và các vấn đề toàn cầu	3	30	15		
		Học phần tự chọn	***14***	***140***	***70***		
51	31831041	*Quan hệ giữa Việt Nam với các cường quốc trên thế giới*	3	30	15		
52	31821042	*Quan hệ quốc tế châu Á - Thái Bình Dương*	2	20	10		
53	31821045	*Giao lưu văn hóa giữa phương Đông và phương Tây thời cổ trung đại*	2	20	10		
54	31821050	*Quan hệ kinh tế thế giới thời hiện đại*	2	20	10		
55	31821091	*Thể chế chính trị thế giới*	2	20	10		

TT	Mã học phần	Tên học phần	Số tín chỉ	Số tiết		Học phần học trước/ tiên quyết/ song hành	Ghi chú
				LT	TH/Bài tập		
56	31838100	*Ngoại giao kinh tế - văn hoá*	3	30	15		
TỔNG SỐ TÍN CHỈ CỦA CHƯƠNG TRÌNH ĐÀO TẠO			**150**	**1444**	**941**		
Tổng số tín chỉ bắt buộc			**109**	**1064**	**706**		
Tổng số tín chỉ tự chọn tối thiểu			**21**				

Lưu ý:

- Phải tích luỹ tối thiểu 130 tín chỉ, trong đó bao gồm tất cả các học phần bắt buộc (không tính các học phần Giáo dục Thể chất, Giáo dục Quốc phòng vào tổng tín chỉ tích luỹ toàn khoá học).

*- Học phần tiên quyết là Học phần có gắn dấu *.*

- Học phần giảng dạy bằng tiếng Anh là học phần có gắn ký hiệu chữ "A".

TRƯỞNG NGÀNH	TRƯỞNG KHOA	HIỆU TRƯỞNG PHÓ HIỆU TRƯỞNG
Lê Thị Trang	Nguyễn Duy Phương	TS. Phan Đức Tuấn

ĐẠI HỌC ĐÀ NẴNG
TRƯỜNG ĐẠI HỌC SƯ PHẠM

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

KẾ HOẠCH ĐÀO TẠO

Ngành: Lịch sử (chuyên ngành: Quan hệ Quốc tế) Khóa: 2026
Trình độ: Đại học Hình thức đào tạo: Chính quy
(ban hành kèm theo Quyết định số 2495/QĐ-ĐHSP ngày 31 /12/2025 của Hiệu trưởng)

Học kỳ	Mã học phần	Tên học phần	Số tín chỉ	Số tiết		Học phần học trước/ tiên quyết/ song hành	Ghi chú
				LT	TH/Bài tập		
1	00101265	Giáo dục thể chất 1	(1)	(0)	(15)		
	31831005	Cộng đồng các dân tộc Việt Nam	3	30	30		
	31831029	Nhập môn quan hệ quốc tế	3	30	15		
	31832001	Văn hoá miền Trung - Tây Nguyên	3	30	15		
	31841415	Lịch sử thế giới cổ trung đại	4	45	15		
	Số tín chỉ trong kỳ		**13**	**135**	**75**		
2	00101266	Giáo dục thể chất 2	(1)	(0)	(15)		
	31621549	Pháp luật đại cương	2	22	8		
	31721993	Xã hội học đại cương	2	20	10		
	31841414	Lịch sử thế giới cận đại	4	45	15	31841415	
	31841423	Lịch sử Việt Nam cổ trung đại	4	45	15		
	Học phần tự chọn						
	31132001	*Công nghệ số cơ bản*	3	30	15		
	Số tín chỉ trong kỳ		**15**	**162**	**63**		
3	00201264	Giáo dục quốc phòng	(0)	(0)	(60)		
	21231902	Triết học Mác - Lênin	3	30	15		
	31831421	Lịch sử văn minh thế giới	3	30	15		
	31841417	Lịch sử thế giới hiện đại	4	45	15	31841414	
	31841422	Lịch sử Việt Nam cận đại	4	45	15	31841423	
	Số tín chỉ trong kỳ		**14**	**150**	**60**		
4	00101267	Giáo dục thể chất 3	(1)	(0)	(15)		
	21321901	Kinh tế chính trị Mác - Lênin	2	22	8	21231902	
	31822002	Phương pháp nghiên cứu khoa học xã hội	2	20	10		
	31831028	Lý luận khoa học Lịch sử	3	30	15		
	31841426	Lịch sử Việt Nam hiện đại	4	45	15	31841422	
	Học phần tự chọn						
	31821016	*Sự du nhập và tiếp biến văn hóa Đông - Tây ở Việt Nam*	2	15	15		
	41232001	*Tiếng Anh B1.1*	3	45	0		
	Số tín chỉ trong kỳ		**16**	**177**	**63**		
5	00101268	Giáo dục thể chất 4	(1)	(0)	(15)		
	21221903	Chủ nghĩa xã hội khoa học	2	22	8	21321901	
	31722001	Mỹ học đại cương	2	15	15		
	31831045	Lịch sử quan hệ quốc tế	3	30	15		
	31831078	Cơ sở Khảo cổ học	3	30	15		

Học kỳ	Mã học phần	Tên học phần	Số tín chỉ	Số tiết		Học phần học trước/ tiên quyết/ song hành	Ghi chú
				LT	TH/Bài tập		
5		***Học phần tự chọn***					
	31821050	*Quan hệ kinh tế thế giới thời hiện đại*	2	20	10		
	41242002	*Tiếng Anh B1.2*	4	60	0		
		Số tín chỉ trong kỳ	**16**	**177**	**63**		
6	21221904	Lịch sử Đảng Cộng sản Việt Nam	2	21	9	21221903	
	31821849	Thực tế chuyên môn	2	0	60		
	31831411	Lịch sử ngoại giao Việt Nam	3	30	15		
	31848093	Lý thuyết và thực hành nghiên cứu lịch sử địa phương	4	30	60		
		Học phần tự chọn					
	31821042	*Quan hệ quốc tế châu Á - Thái Bình Dương*	2	20	10		
	31931407	*Lịch sử chủ quyền lãnh thổ Việt Nam*	3	30	15		
		Số tín chỉ trong kỳ	**16**	**131**	**169**		
7	21321922	Tư tưởng Hồ Chí Minh	2	22	8	21221904	
	31828097	Ứng dụng CNTT trong nghiên cứu khoa học lịch sử	2	15	15		
	31831034	Luật quốc tế	3	30	15		
	31831039	Đàm phán quốc tế	3	30	15		
	31831897	Tổ chức quốc tế và cơ quan ngoại giao của các quốc gia	3	45	0		
		Học phần tự chọn					
	31831057	*Chính sách và hoạt động ngoại giao của Việt Nam thời hiện đại*	3	30	15		
		Số tín chỉ trong kỳ	**16**	**172**	**68**		
8	31831036	Quan hệ Việt Nam - ASEAN	3	30	15		
	31831038	Nghiệp vụ công tác đối ngoại	3	30	15		
	31931069	Tiếng Anh chuyên ngành	3	30	15		
		Học phần tự chọn					
	31821045	*Giao lưu văn hóa giữa phương Đông và phương Tây thời cổ trung đại*	2	20	10		
	31821091	*Thể chế chính trị thế giới*	2	20	10		
	31838100	*Ngoại giao kinh tế - văn hoá*	3	30	15		
		Số tín chỉ trong kỳ	**16**	**160**	**80**		
9	31831032	Địa chính trị	3	30	15		
	31831033	Các cuộc cải cách ở châu Á thời cận-hiện đại	3	30	15		
	31838095	Kinh tế Việt Nam thời cận hiện đại	3	30	15		

Học kỳ	Mã học phần	Tên học phần	Số tín chỉ	Số tiết		Học phần học trước/ tiên quyết/ song hành	Ghi chú
				LT	TH/Bài tập		
9		***Học phần tự chọn***					
	31831041	*Quan hệ giữa Việt Nam với các cường quốc trên thế giới*	3	30	15		
	31831060	*Chủ nghĩa tư bản cận – hiện đại*	3	30	15		
		Số tín chỉ trong kỳ	**15**	**150**	**75**		
10	31838098	Phân cực hoá và các vấn đề toàn cầu	3	30	15		
	31841103	Thực tập tốt nghiệp	4	0	120		
		Học phần tự chọn					
	31861104	*Khóa luận tốt nghiệp*	6	0	90		
		Số tín chỉ trong kỳ	**13**	**30**	**225**		

Lưu ý:

- Phải tích luỹ tối thiểu 130 tín chỉ, trong đó bao gồm tất cả các học phần bắt buộc (không tính các học phần Giáo dục Thể chất, Giáo dục Quốc phòng vào tổng tín chỉ tích luỹ toàn khoá học).

*- Học phần tiên quyết là Học phần có gắn dấu *.*

- Học phần giảng dạy bằng tiếng Anh là học phần có gắn ký hiệu chữ "A".

TRƯỞNG NGÀNH	TRƯỞNG KHOA	KT. HIỆU TRƯỞNG PHÓ HIỆU TRƯỞNG
Lê Thị Trang	Nguyễn Duy Phương	TS. Phan Đức Tuấn